

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2011/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe
ô tô khách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 154/2010/TT-BTC ngày 01/10/2010 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn việc kê khai giá cước vận tải, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 124/TT-SGTVT ngày 30/12/2010; Ý kiến của Sở Tài chính tại công văn số 2219/STC-QLGCS ngày 29/11/2010; Báo cáo thẩm định số 190/STP ngày 22/12/2010 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Đối với tuyến liên tỉnh:

- a) Tuyến có cự ly dưới 200 Km: 2.450 đồng/ghế xe/chuyến.
- b) Tuyến có cự ly từ 200 Km đến dưới 500 Km: 2.700 đồng/ghế xe/chuyến.
- c) Tuyến có cự ly từ 500 Km đến dưới 800 Km: 4.900 đồng/ghế xe/chuyến.
- d) Tuyến có cự ly trên 800 Km: 5.500 đồng/ghế xe/chuyến.

2. Đối với tuyến nội tỉnh: 1.110 đồng/ghế xe/chuyến.

3. Đối với xe buýt: 220 đồng/ghế xe/chuyến.

4. Đối với xe taxi, xe trung chuyển hành khách: 5.500 đồng/chuyến xe

Số ghế xe tính theo số ghế được ghi trong Sổ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe khách nêu trên được áp dụng với quy chuẩn Bến xe loại I theo quy định tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Các loại bến xe còn lại được tính như sau:

Bến xe loại II: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 90% Bến xe loại I.

Bến xe loại III: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 80% Bến xe loại I.

Bến xe loại IV: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 70% Bến xe loại I.

Bến xe loại V: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 60% Bến xe loại I.

Bến xe loại VI: giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 50% Bến xe loại I.

Điều 2. Mức giá quy định tại Điều 1 Quyết định này là mức giá tối đa; Các đơn vị khai thác bến xe ô tô khách căn cứ tình hình thực tế để quy định mức giá cụ thể cho phù hợp (nhưng không quá mức tối đa trên đây) và thực hiện kê khai, đăng ký giá với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện Quyết định này, đồng thời tham mưu ban hành điều chỉnh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế